

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2010/TT-NHNN

*Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2010***THÔNG TƯ****Quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức,
cá nhân vay vốn trung, dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

Căn cứ Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội;

Căn cứ Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất - kinh doanh; ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 670/TTg-KTTH ngày 05 tháng 5 năm 2009 về việc thực hiện các Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2009 và Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2009;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam như sau:

Điều 1. Mục đích hỗ trợ lãi suất

Nhà nước hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam của các tổ chức, cá nhân tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thực hiện dự án đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh, kết cấu hạ tầng và các nhu cầu vốn thực hiện hợp đồng xuất khẩu nhằm giảm chi phí đầu tư, tăng năng lực sản xuất - kinh doanh, khả năng cạnh tranh sản phẩm, tạo việc làm.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng quy định về hỗ trợ lãi suất

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam cho các đối tượng vay vốn ưu đãi và các đối tượng vay vốn khác theo quy định tại Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2006 về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và các văn bản khác có liên quan.

2. Khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất là chủ đầu tư và nhà xuất khẩu vay vốn Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính.

3. Loại cho vay được hỗ trợ lãi suất là các khoản cho vay trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng ký kết trước và sau ngày 01 tháng 4 năm 2009 mà được giải ngân (một hoặc nhiều lần) trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 đến 31 tháng 12 năm 2009 tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, bao gồm:

a) Các khoản cho vay theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước ban hành trước thời điểm Nghị định số 106/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành;

b) Các khoản cho vay theo danh mục vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước quy định tại Nghị định số 106/2008/NĐ-CP;

c) Các khoản cho vay theo quy định của Chính phủ và quy định của Thủ tướng Chính phủ: Dự án đầu tư ra nước ngoài; dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; thanh toán chi phí đền bù, di dân tái định cư dự án thủy điện Sơn La; dự án vay vốn Quỹ quay vòng ủy thác; tín dụng xuất khẩu có thời hạn vay vốn vượt quá 12 tháng; các dự án khác;

d) Các khoản cho vay được giải ngân để phục vụ cho các dự án vay vốn đã được cơ quan có thẩm quyền và Ngân hàng Phát triển Việt Nam phê duyệt, gồm: Thanh toán và tạm ứng chi phí của dự án vay vốn; hoàn trả vốn tự có mà khách hàng đã tạm ứng để chi trả cho dự án vay vốn; chuyển tiền vào tài khoản tiền gửi của khách hàng để thanh toán các chi phí của dự án vay vốn.

Điều 3. Nguyên tắc, thời hạn, mức lãi suất và phương thức hỗ trợ lãi suất

1. Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất là Ngân hàng Phát triển Việt Nam cho vay các nhu cầu vốn trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam theo cơ chế cho vay hiện hành và thực hiện hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 24 tháng, kể từ ngày giải ngân đối với các khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký kết trước và sau ngày 01 tháng 4 năm 2009 mà được giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 đến 31 tháng 12 năm 2009. Việc hỗ trợ lãi suất được thực hiện từ ngày 01 tháng 4 năm 2009 đến 31 tháng 12 năm 2011. Các khoản vay thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất bị quá hạn trả nợ, được gia hạn nợ vay, thời hạn vay thực tế vượt quá 24 tháng, thì không được

tính hỗ trợ lãi suất đối với khoảng thời gian bị quá hạn trả nợ, gia hạn nợ và vượt quá 24 tháng.

3. Mức lãi suất hỗ trợ cho khách hàng vay:

a) Mức lãi suất hỗ trợ cho khách hàng vay là 4%/năm, tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế, nằm trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2009 đến 31 tháng 12 năm 2011;

b) Trường hợp khách hàng có nhu cầu vay vốn trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam được cầm cố, bảo lãnh bằng giấy tờ có giá, sổ tiết kiệm và các hình thức bằng tiền khác (gọi chung là giấy tờ có giá) hoặc khách hàng có tiền gửi tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác, mà khoản vay đó thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất thì thực hiện hỗ trợ lãi suất như sau:

- Đối với giấy tờ có giá được mua hoặc đã có (phát sinh) trước ngày 01 tháng 02 năm 2009, thì Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện hỗ trợ lãi suất cho toàn bộ dư nợ vay phát sinh; đối với giấy tờ có giá được mua hoặc đã có (phát sinh) kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2009, thì Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với phần dư nợ cho vay bằng chênh lệch giữa số dư nợ cho vay so với giá trị giấy tờ có giá được cầm cố hoặc bảo lãnh của khách hàng.

- Đối với khách hàng có tiền gửi tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và tổ chức tín dụng khác đã có (phát sinh) kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2009: Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với phần dư nợ cho vay bằng chênh lệch giữa số dư nợ cho vay so với giá trị tài khoản tiền gửi của khách hàng vay tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng. Giá trị tài khoản tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và tổ chức tín dụng khác, bao gồm số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ; không bao gồm số dư các tài khoản tiền gửi vốn cấp phát ủy thác, tiền gửi vốn tự có tham gia đầu tư dự án, tiền gửi tạm giữ chờ quyết toán và bảo hành công trình, tiền gửi ký quỹ và tiền gửi phong tỏa theo quy định của pháp luật. Khách hàng vay có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Phát triển Việt Nam về giá trị tài khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng khác và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp và chính xác của báo cáo này.

4. Phương thức thực hiện hỗ trợ lãi suất là khi thu lãi tiền vay, Ngân hàng Phát triển Việt Nam giảm trừ số tiền lãi phải trả cho khách hàng vay bằng với số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

Điều 4. Quy trình và trách nhiệm của khách hàng vay, Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện hỗ trợ lãi suất

1. Đối với khách hàng vay có khoản vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất:

a) Trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 đến 31 tháng 12 năm 2009, khi phát sinh khoản vay lần đầu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam nơi cho vay, khách hàng vay gửi giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo mẫu 01 tại Phụ lục Thông tư này;

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất đã ghi trong hợp đồng tín dụng. Nếu sử dụng vốn vay không đúng mục đích theo đối tượng hỗ trợ lãi suất, thì không được hỗ trợ lãi suất và phải hoàn trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam số lãi tiền vay được hỗ trợ trước đó và bị xử lý theo quy định của pháp luật;

c) Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu để chứng minh mục đích vay vốn được hỗ trợ lãi suất và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

d) Thực hiện các quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam về thủ tục vay vốn, hỗ trợ lãi suất và chế độ báo cáo;

đ) Hạch toán khoản chi trả lãi tiền vay theo đúng số tiền lãi phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam, sau khi được hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật;

e) Yêu cầu Ngân hàng Phát triển Việt Nam nơi cho vay thực hiện hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam:

a) Thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; không được từ chối hỗ trợ lãi suất, nếu khoản vay thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất; định kỳ báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính để kiểm tra, giám sát tình hình hỗ trợ lãi suất; cung cấp các thông tin về tài khoản ngân hàng cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Sở Giao dịch và Vụ Chính sách tiền tệ) để chuyển tiền hỗ trợ lãi suất;

b) Căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất để ghi trong hợp đồng tín dụng các nội dung về hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật; từ chối các yêu cầu hỗ trợ lãi suất không đúng quy định của pháp luật;

c) Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp hỗ trợ lãi suất không đúng quy định của pháp luật;

d) Cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) quy định về các nghiệp vụ cho vay, các văn bản và quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về danh mục các dự án đầu tư, tín dụng xuất khẩu;

đ) Thực hiện việc kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay để đảm bảo việc hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của pháp luật. Nếu phát hiện khách hàng vay sử dụng vốn vay không đúng mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất, thì thu hồi số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất trước đó; trường hợp không thu hồi được, thì báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý hoặc khởi kiện việc vi phạm hợp đồng tín dụng của khách hàng vay;

e) Hướng dẫn khách hàng vay để bảo đảm việc vay vốn được thuận tiện, an toàn và đúng đối tượng;

g) Khi thu lãi tiền vay của khách hàng, Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện việc giảm trừ số lãi tiền vay phải trả của khách hàng bằng với số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật. Trường hợp đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa đến kỳ hạn thu lãi tiền vay, thì Ngân hàng Phát triển Việt Nam tính số lãi tiền vay phải trả của khách hàng và thực hiện việc giảm trừ số lãi tiền vay bằng với số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất. Việc tính và thu lãi tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật; thực hiện hạch toán, theo dõi số lãi tiền vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất như sau:

- Hạch toán toàn bộ số lãi tiền vay vào thu nhập theo quy định của chế độ tài chính hiện hành; số lãi tiền vay hỗ trợ lãi suất do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển được hạch toán vào tài khoản riêng về hỗ trợ lãi suất năm 2009 - 2011;

- Có bảng kê (hoặc cơ sở dữ liệu) theo dõi chi tiết các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất (khách hàng vay, số tiền vay, thời hạn và lãi suất cho vay, số tiền hỗ trợ lãi suất...) để gửi cho khách hàng vay, phục vụ cho việc theo dõi, thống kê và kiểm toán nội bộ, báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

h) Lập giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất có xác nhận của khách hàng và Ngân hàng Phát triển Việt Nam nơi cho vay (ký tên, đóng dấu) để làm chứng từ kiểm tra, giám sát. Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất được lập thành 03 bản, 01 bản lưu chứng từ kế toán, 01 bản lưu hồ sơ tín dụng, 01 bản gửi cho khách hàng vay. Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất được lập từng lần khi thu lãi tiền vay và giảm trừ số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi

suất hoặc lập theo định kỳ hàng tháng phù hợp với thời hạn gửi báo cáo hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính;

i) Gửi giấy đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất và báo cáo số tiền hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo các mẫu tại Phụ lục Thông tư này:

- Giấy đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất hàng quý theo mẫu 02 Phụ lục Thông tư này, thời gian gửi chậm nhất là ngày 10 của tháng đầu quý;

- Báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất hàng tháng theo mẫu 03 và 04 Phụ lục Thông tư này gửi chậm nhất là ngày 10 của tháng liền kề với tháng báo cáo.

k) Theo dõi, thống kê kịp thời, chính xác các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất để phục vụ cho việc kiểm toán nội bộ, báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; mở các tài khoản hoặc áp dụng hệ thống quản lý thích hợp để hạch toán, thống kê riêng các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất;

l) Thu hồi và chuyển trả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số tiền hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay hỗ trợ lãi suất không đúng quy định của pháp luật;

m) Kiểm tra hoạt động cho vay hỗ trợ lãi suất của Chi nhánh, Sở Giao dịch; định kỳ hàng quý (vào ngày 20 tháng cuối quý) báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Chính sách tiền tệ và Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) và Bộ Tài chính tình hình thực hiện các quy định về hỗ trợ lãi suất trên toàn hệ thống;

n) Quản lý và lưu giữ hồ sơ các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chuyển tiền hỗ trợ lãi suất và thanh tra, giám sát cho vay hỗ trợ lãi suất

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chuyển 90% số tiền hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam trên cơ sở báo cáo của Ngân hàng Phát triển Việt Nam về khoản vay đã thực hiện hỗ trợ lãi suất; Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện hỗ trợ lãi suất và tính chính xác của báo cáo. Việc chuyển số tiền hỗ trợ lãi suất còn lại được thực hiện trên cơ sở quyết toán số tiền hỗ trợ lãi suất đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện việc thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với hoạt động cho vay hỗ trợ lãi suất của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Điều 6. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Vụ Chính sách tiền tệ: Phối hợp với đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để xử lý các vấn đề về cơ chế hỗ trợ lãi suất; nhận giấy đăng ký kế hoạch hỗ

trợ lãi suất và các báo cáo về tình hình hỗ trợ lãi suất của Ngân hàng Phát triển Việt Nam; thông báo việc chuyển số tiền hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam; hướng dẫn quyết toán số tiền hỗ trợ lãi suất; xây dựng báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Vụ Tài chính - Kế toán: Xử lý các vấn đề về hạch toán kế toán liên quan đến cơ chế hỗ trợ lãi suất.

3. Sở Giao dịch: Thực hiện việc hạch toán, chuyển số tiền hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Thông báo của Vụ Chính sách tiền tệ.

4. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Tài chính thực hiện việc thanh tra và xử lý đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam có vi phạm quy định của pháp luật về hỗ trợ lãi suất.

5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thực hiện việc kiểm tra, thanh tra và xử lý theo thẩm quyền tình hình thực hiện quy định của pháp luật về hỗ trợ lãi suất của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam và báo cáo, đề xuất với Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các vấn đề phát sinh.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định về việc hỗ trợ lãi suất đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại Thông tư số 24/2009/TT-NHNN ngày 14 tháng 12 năm 2009 quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương để thực hiện đầu tư mới phát triển sản xuất - kinh doanh hết hiệu lực thi hành. Các khoản cho vay phát sinh từ ngày 01 tháng 4 năm 2009 thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Thông tư này mà chưa áp dụng cơ chế hỗ trợ lãi suất, thì Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật và Thông tư này kể từ ngày phát sinh khoản vay.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam, khách hàng vay chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Nguyễn Đông Tiến

Phụ lục**VỀ CÁC MẪU BIỂU ÁP DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VAY
VÀ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2010/TT-NHNN ngày 16 tháng 9 năm 2010
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

1. Mẫu 01: Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất tiền vay đối với khoản vay trung, dài hạn.
2. Mẫu 02: Giấy đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất tiền vay đối với khoản vay trung, dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
3. Mẫu 03: Báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất tiền vay đối với khoản vay trung, dài hạn theo Quyết định số 443/QĐ-TTg và Thông tư số 18/2010/TT-NHNN phân theo các dự án vay vốn và đối tượng khách hàng vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
4. Mẫu 04: Báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay trung, dài hạn theo Quyết định số 443/QĐ-TTg và Thông tư số 18/2010/TT-NHNN phân theo chi nhánh/sở giao dịch quản lý.

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN VAY
ĐỐI VỚI KHOẢN VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN

Kính gửi:

(Ngân hàng Phát triển Việt Nam nơi cho vay)

Tên khách hàng vay:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Tên đại diện tổ chức:

Chức vụ:

Căn cứ các quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2009 về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng để thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất - kinh doanh và Văn bản số 670/TTg-KTTH ngày 05 tháng 5 năm 2009; hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Thông tư số 18/2010/TT-NHNN ngày 16 tháng 9 năm 2010, chúng tôi đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay vốn trung, dài hạn để thực hiện dự án đầu tư và xuất khẩu theo các hợp đồng tín dụng được giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Chúng tôi cam kết chấp hành các quy định của pháp luật về cho vay, hỗ trợ lãi suất và các cam kết trong hợp đồng tín dụng; sử dụng vốn vay đúng mục đích, đúng đối tượng được hỗ trợ lãi suất; hoàn trả ngay số tiền đã được hỗ trợ lãi suất, nếu sử dụng tiền vay không đúng mục đích của đối tượng hỗ trợ lãi suất ghi trong hợp đồng tín dụng; chịu trách nhiệm trước pháp luật, nếu vi phạm hợp đồng tín dụng.

....., ngày..... tháng năm.....

KHÁCH HÀNG VAY

(Ký tên và đóng dấu)

Hướng dẫn:

- Khách hàng vay chỉ gửi Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất tiền vay 01 lần khi phát sinh khoản vay đầu tiên tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam nơi cho vay trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Mẫu 02**NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN
VAY ĐỐI VỚI KHOẢN VAY TRUNG, DÀI HẠN
TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
QUÝ..... NĂM.....**Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(*Vụ Chính sách tiền tệ*)

Ngân hàng:.....

Đại diện pháp nhân:..... Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Tài khoản tiền gửi VND số:..... tại.....

Đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng vay quý..... năm.....
theo quy định tại Quyết định số 443/QĐ-TTg và Thông tư số 18/2010/TT-NHNN
như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất	Số tiền hỗ trợ lãi suất
I	Tổng số Trong đó:		
1	Cho vay các dự án vay vốn tín dụng đầu tư		
1.1	Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội		
1.2	Nông nghiệp, nông thôn		
1.3	Công nghiệp		
1.4	Các dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn, dự án tại các vùng đồng bào dân tộc Khơ me sinh sống tập trung, các xã thuộc chương trình 135, 120 và các xã vùng bãi ngang		

STT	Chỉ tiêu	Dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất	Số tiền hỗ trợ lãi suất
2	<i>Cho vay các dự án theo Hiệp định Chính phủ; các dự án đầu tư ra nước ngoài theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</i>		
3	<i>Cho vay các dự án đầu tư theo quy định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ</i>		
3.1	Dự án đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng		
3.2	Dự án vay vốn Quỹ quay vòng ủy thác		
3.3	Thanh toán chi phí đền bù, di dân tái định cư dự án thủy điện Sơn La		
3.4	<i>Các dự án khác</i>		
4	<i>Cho vay tín dụng xuất khẩu có thời hạn vay vốn vượt quá 12 tháng</i>		
II	Tỷ lệ % dư nợ cho vay trung và dài hạn được hỗ trợ lãi suất so với tổng dư nợ tín dụng trung, dài hạn của Ngân hàng		

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký và đóng dấu)

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**Mẫu 03**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN VAY
ĐỐI VỚI KHOẢN VAY TRUNG, DÀI HẠN THEO QUYẾT ĐỊNH
SỐ 443/QĐ-TTg VÀ THÔNG TƯ SỐ 18/2010/TT-NHNN PHÂN
THEO CÁC DỰ ÁN VAY VỐN VÀ ĐỐI TƯỢNG KHÁCH
HÀNG VAY THÁNG..... NĂM.....**

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Trong tháng báo cáo				Lũy kế từ ngày 01/4/2009 đến cuối tháng báo cáo	
		Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất	Dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất tại thời điểm cuối tháng báo cáo	Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng	Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay	Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất	Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Tổng số Trong đó:						
1	Cho vay các dự án vay vốn tín dụng đầu tư						
1.1	Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội						
1.2	Nông nghiệp, nông thôn						
1.3	Công nghiệp						
1.4	Các dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn, dự án tại các vùng						

		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	đồng bào dân tộc Khơ me sinh sống tập trung, các xã thuộc chương trình 135, 120 và các xã vùng bãi ngang						
2	Cho vay các dự án theo Hiệp định Chính phủ; các dự án đầu tư ra nước ngoài theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ						
3	Cho vay các dự án đầu tư theo quy định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ						
3.1	Dự án đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng						
3.2	Dự án vay vốn Quỹ quay vòng ủy thác						
3.3	Thanh toán chi phí đền bù, di dân tái định cư dự án thủy điện Sơn La						
3.4	Các dự án khác						
4	Cho vay tín dụng xuất khẩu có thời hạn vay vốn vượt quá 12 tháng						

		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
II	Tổng số các khoản vay được hỗ trợ lãi suất theo đối tượng khách hàng vay						
1	Doanh nghiệp						
	- Doanh nghiệp nhà nước						
	- Doanh nghiệp ngoài nhà nước						
2	Tổ chức khác						

....., ngày..... tháng..... năm.....

Trưởng Ban Kiểm tra nội bộ

Trưởng Ban Tài chính kế toán

Tổng Giám đốc

Hướng dẫn tổng hợp và gửi báo cáo:

- Báo cáo này Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo địa chỉ: Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước - 49 Lý Thái Tổ - Hà Nội (email: phongcstd@sbv.gov.vn; fax: 04-38246953/38240132) và Chi nhánh/Sở giao dịch Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi cho Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cột (1): Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất là số lượng khách hàng phát sinh trong tháng báo cáo (không tính trùng theo số lượt món vay); nếu 01 khách hàng vay có nhiều khoản vay thuộc các dự án khác nhau, thì liệt kê vào dự án có số dư nợ lớn nhất.

- Cột (3): Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng được tính theo quy định của pháp luật đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

- Cột (4): Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay được tổng hợp theo số liệu ghi trên Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất, tổng số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất phải bằng số tiền hỗ trợ lãi suất đã thực hiện hạch toán giảm trừ cho khách hàng vay.

- Cột (5): Lũy kế số lượng khách hàng được hỗ trợ lãi suất được tính bằng số lượng khách hàng vay lũy kế của tháng báo cáo trước đó cộng với số lượng khách hàng vay phát sinh mới trong tháng báo cáo.

- Thời hạn gửi báo cáo: Hàng tháng, chậm nhất vào ngày 10 tháng liền kề tháng báo cáo.

- Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (bản chính) để chuyển tiền hỗ trợ lãi suất.

- Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm trả lời chi tiết báo cáo khi Ngân hàng Nhà nước yêu cầu

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phản ánh kịp thời bằng văn bản hoặc qua số điện thoại: 04-38246955/38259158, fax: 04-38246953/38240132.

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**Mẫu 04**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN VAY
ĐỐI VỚI KHOẢN VAY TRUNG, DÀI HẠN THEO QUYẾT ĐỊNH
SỐ 443/QĐ-TTg VÀ THÔNG TƯ SỐ 18/2010/TT-NHNN
PHÂN THEO CHI NHÁNH/SỞ GIAO DỊCH QUẢN LÝ
THÁNG NĂM**

Đơn vị: đồng

Chi nhánh/ Sở giao dịch	Trong tháng báo cáo		Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng	Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay	Lũy kế từ ngày 01/4/2009 đến cuối tháng báo cáo	
	Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất	Dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất tại thời điểm cuối tháng báo cáo			Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất	Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số						
Trong đó:						
1. Sở Giao dịch I						
2. Hải Phòng						
.....						
.....						
.....						

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Trưởng Ban
Kiểm tra nội bộ**

**Trưởng Ban Tài chính
kế toán**

Tổng giám đốc

Hướng dẫn tổng hợp và gửi báo cáo:

- Cột (1): Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất là số lượng khách hàng được hỗ trợ lãi suất phát sinh trong tháng báo cáo (không tính trùng theo số lượt món vay).

- Cột (3): Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng được tính theo quy định của pháp luật đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

- Cột (4): Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay được tổng hợp theo số liệu ghi trên Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất; tổng số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất phải bằng số tiền hỗ trợ lãi suất đã thực hiện hạch toán giảm trừ cho khách hàng vay.

- Cột (5): Lũy kế số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất được tính bằng số lượng khách hàng vay lũy kế của tháng báo cáo trước đó cộng với số lượng khách hàng vay phát sinh mới trong tháng báo cáo.

- Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước (email: phongcstd@sbv.gov.vn; fax: 04-38246953/38240132).

- Thời hạn gửi báo cáo: Hàng tháng, chậm nhất vào ngày 10 tháng liền kề tháng báo cáo.

- Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (bản chính) để chuyển tiền hỗ trợ lãi suất.

- Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm trả lời chi tiết báo cáo khi Ngân hàng Nhà nước yêu cầu.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phản ánh kịp thời bằng văn bản hoặc qua số điện thoại: 04-38246955/38259158; fax:04-38246953/38240132.